



**NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**  
Bank for Investment and Development of Vietnam JSC

Mẫu số/Sample No: CT001/KH

Ngày in/Prt Date: 04/10/2023 10:47:32



Chi nhánh/Branch: **NHTMCP DT&PTVN-CN BA DINH**

Số: /BC 03a

**SAO KÊ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI KHÁCH HÀNG/ACCOUNT STATEMENT**

Từ ngày/From Date: 01/01/2023 Đến ngày/To date: 30/09/2023

Khách hàng / Customer:

**BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPHIRE KDT GOLDMARK CITY**

Địa chỉ/

NHA CHUNG CU SAPHIRE, 136 HO TUNG M AU, PHU DIEN, BAC TU LIEM /,HA NOI

Mã KH / Cif No

**14259016**

Address:

Tên tài khoản / Account Name:

BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPHIRE KDT G

Loại tiền tệ/

VND

Số tài khoản / Account No:

**2170066688**

Currency:

(Số tài khoản cũ / Old Account No:

21711000066688)

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans.Date)	Ngày hiệu lực (EFD.Date)	Mã giao dịch (Trans.Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ SEQ No.	Mã GDV Teller ID	Mã CN Branch	Diễn giải (Txn. Description)
<b>Số dư đầu kỳ</b> (Opening balance)						<b>1,463,021,619.00</b>				
1	03/01/2023 23:59:59	03/01/2023	155	0.00	15,287,671.00	1,478,309,290.00	35		217	0000012610001508521T
2	25/01/2023 23:59:59	25/01/2023	160	0.00	250,440.00	1,478,559,730.00	1653	DD4400	217	BIDV Tra lai KKH
3	03/02/2023 23:59:59	03/02/2023	155	0.00	15,287,671.00	1,493,847,401.00	65		217	0000012610001508521T
4	25/02/2023 23:59:59	25/02/2023	160	0.00	253,079.00	1,494,100,480.00	2112	DD4400	217	BIDV Tra lai KKH
5	03/03/2023 23:59:59	03/03/2023	155	0.00	13,808,219.00	1,507,908,699.00	11		217	0000012610001508521T
6	16/03/2023 14:05:09	16/03/2023	0824	330,000.00	0.00	1,507,578,699.00	381754795	990QLTK DN	217	REM PHI QUAN LY TAI KHOAN 217xxx6688 Q1 2023
7	25/03/2023 23:59:59	25/03/2023	160	0.00	230,954.00	1,507,809,653.00	1957	DD4400	217	BIDV Tra lai KKH
8	03/04/2023 23:59:59	03/04/2023	155	0.00	15,287,671.00	1,523,097,324.00	8		217	0000012610001508521T
9	04/04/2023 17:05:52	04/04/2023	3320	0.00	10,000,000,000.00	11,523,097,324.00	96	2172101 3	217	REM Tfr Ac: 21710000622096 TT HDTG SO 01202214259016HDTG
10	04/04/2023 17:22:56	04/04/2023	3120	10,000,000,000.00	0.00	1,523,097,324.00	214	1262203 6	217	REM Tfr Ac: 12610001552670 HTHDTG 23.088.HD BQTS.BIDV.BD 10 TY 12 THANG LS B.2
11	04/04/2023 23:59:59	04/04/2023	155	0.00	570,000,000.00	2,093,097,324.00	116		217	0000021710000622096T
12	05/04/2023 14:54:04	05/04/2023	1110	0.00	20,000,000.00	2,113,097,324.00	87	1262204 6	217	REM BIDV BD UNG HO ASXH QUY CD CU DAN BQT S
13	19/04/2023 16:36:56	19/04/2023	8777	125,631,800.00	0.00	1,987,465,524.00	37	1262204 6	217	REM THANH TOAN PHI BAO TRI THANG MAY DOT 1 NAM 2023 THEO HD SO 0040172658 KY NGAY 3.1.2022
14	19/04/2023 16:36:56	19/04/2023	8777	55,278.00	0.00	1,987,410,246.00	37	1262204 6	217	REM THANH TOAN PHI BAO TRI THANG MAY DOT 1 NAM 2023 THEO HD SO 0040172658 KY NGAY 3.1.2022
15	20/04/2023 16:09:10	20/04/2023	8777	125,631,800.00	0.00	1,861,778,446.00	54	1262204 6	217	REM THANH TOAN PHI BAO TRI THANG MAY DOT 1 NAM 2023 THEO HD SO 0040172659 KY NGAY 3.1.2022
16	20/04/2023 16:09:10	20/04/2023	8777	55,278.00	0.00	1,861,723,168.00	54	1262204 6	217	REM THANH TOAN PHI BAO TRI THANG MAY DOT 1 NAM 2023 THEO HD SO 0040172659 KY NGAY 3.1.2022
17	20/04/2023 16:13:48	20/04/2023	8777	104,692,500.00	0.00	1,757,030,668.00	57	1262204 6	217	REM THANH TOAN PHI BAO TRI THANG MAY DOT 1 NAM 2023 THEO HD SO 0040172661 KY NGAY 3.1.2022
18	20/04/2023 16:13:48	20/04/2023	8777	46,065.00	0.00	1,756,984,603.00	57	1262204 6	217	REM THANH TOAN PHI BAO TRI THANG MAY DOT 1 NAM 2023 THEO HD SO 0040172661 KY NGAY 3.1.2022

19	20/04/2023 16:16:03	20/04/2023	8777	125,631,800.00	0.00	1,631,352,803.00	60	1262204 6	217	REM THANH TOAN PHI BAO TRI THANG MAY DOT 1 NAM 2023 THEO HD SO 0040172662 KY NGAY 3.1.2022
20	20/04/2023 16:16:03	20/04/2023	8777	55,278.00	0.00	1,631,297,525.00	60	1262204 6	217	REM THANH TOAN PHI BAO TRI THANG MAY DOT 1 NAM 2023 THEO HD SO 0040172662 KY NGAY 3.1.2022
21	20/04/2023 16:20:25	20/04/2023	8777	125,631,800.00	0.00	1,505,665,725.00	63	1262204 6	217	REM THANH TOAN PHI BAO TRI THANG MAY DOT 1 NAM 2023 THEO HD SO 0040172663 KY NGAY 3.1.2022
22	20/04/2023 16:20:25	20/04/2023	8777	55,278.00	0.00	1,505,610,447.00	63	1262204 6	217	REM THANH TOAN PHI BAO TRI THANG MAY DOT 1 NAM 2023 THEO HD SO 0040172663 KY NGAY 3.1.2022
23	25/04/2023 23:59:59	25/04/2023	160	0.00	308,401.00	1,505,918,848.00	1158	DD4400	217	BIDV Tra lai KKH
24	03/05/2023 23:59:59	03/05/2023	155	0.00	13,561,644.00	1,519,480,492.00	34		217	0000012610001508521T
25	25/05/2023 23:59:59	25/05/2023	160	0.00	249,257.00	1,519,729,749.00	845	DD4400	217	BIDV Tra lai KKH
26	02/06/2023 11:20:31	02/06/2023	8777	9,240,000.00	0.00	1,510,489,749.00	42	2172101 5	217	REM TT THEO HD SO 01.2023HDKTHNT-GOLDMARK KY NGAY 25.04.2023
27	02/06/2023 11:20:31	02/06/2023	8777	22,000.00	0.00	1,510,467,749.00	42	2172101 5	217	REM TT THEO HD SO 01.2023HDKTHNT-GOLDMARK KY NGAY 25.04.2023
28	03/06/2023 23:59:59	03/06/2023	155	0.00	14,013,699.00	1,524,481,448.00	5		217	0000012610001508521T
29	08/06/2023 11:37:43	08/06/2023	8790	7,150,000.00	0.00	1,517,331,448.00	4150	1262204 6	217	REM THANH TOAN THEO HD SO 022023.HDDV.GM.EU KY NGAY 25.04.2023
30	08/06/2023 11:37:43	08/06/2023	8790	22,000.00	0.00	1,517,309,448.00	4150	1262204 6	217	REM THANH TOAN THEO HD SO 022023.HDDV.GM.EU KY NGAY 25.04.2023
31	08/06/2023 11:38:19	08/06/2023	8790	4,500,000.00	0.00	1,512,809,448.00	4151	1262204 6	217	REM THANH TOAN KIEM DINH THANG KONE P4 TOA S2
32	08/06/2023 11:38:19	08/06/2023	8790	22,000.00	0.00	1,512,787,448.00	4151	1262204 6	217	REM THANH TOAN KIEM DINH THANG KONE P4 TOA S2
33	08/06/2023 11:38:43	08/06/2023	1539	14,300,000.00	0.00	1,498,487,448.00	8000563	990B2BO UT	217	REM OMNI-TKThe :0491000045520, tai BFTVVNVX. THANH TOAN HOP DONG SO 022023.HDDV.GM EU KY NGAY 26.04.2023 - 02009704880608113843202
34	08/06/2023 11:38:43	08/06/2023	0839	22,000.00	0.00	1,498,465,448.00	8000564	990B2BO UT	217	REM OMNI-TKThe :0491000045520, tai BFTVVNVX. THANH TOAN HOP DONG SO 022023.HDDV.GM EU KY NGAY 26.04.2023 - 02009704880608113843202
35	21/06/2023 18:31:40	21/06/2023	0824	330,000.00	0.00	1,498,135,448.00	465803329	990QLTK DN	217	REM PHI QUAN LY TAI KHOAN 217xxx6688 Q2 2023
36	25/06/2023 23:59:59	25/06/2023	160	0.00	256,119.00	1,498,391,567.00	2307	DD4400	217	BIDV Tra lai KKH
37	03/07/2023 23:59:59	03/07/2023	155	0.00	12,328,767.00	1,510,720,334.00	7		217	0000012610001508521T
38	13/07/2023 16:23:17	13/07/2023	8777	104,692,500.00	0.00	1,406,027,834.00	104	1262204 6	217	REM THANH TOAN PHI BAO TRI THANG MAY DOT 2 NAM 2023 THEO HD SO 0040172661 KY NGAY 3.1.2022
39	13/07/2023 16:23:17	13/07/2023	8777	46,065.00	0.00	1,405,981,769.00	104	1262204 6	217	REM THANH TOAN PHI BAO TRI THANG MAY DOT 2 NAM 2023 THEO HD SO 0040172661 KY NGAY 3.1.2022
40	13/07/2023 16:25:10	13/07/2023	8777	125,631,000.00	0.00	1,280,350,769.00	107	1262204 6	217	REM THANH TOAN PHI BAO TRI THANG MAY DOT 2 NAM 2023 THEO HD SO 0040172658 KY NGAY 3.1.2022
41	13/07/2023 16:25:10	13/07/2023	8777	55,277.00	0.00	1,280,295,492.00	107	1262204 6	217	REM THANH TOAN PHI BAO TRI THANG MAY DOT 2 NAM 2023 THEO HD SO 0040172658 KY NGAY 3.1.2022
42	13/07/2023 16:26:37	13/07/2023	8777	125,631,000.00	0.00	1,154,664,492.00	110	1262204 6	217	REM THANH TOAN PHI BAO TRI THANG MAY DOT 2 NAM 2023 THEO HD SO 0040172659 KY NGAY 3.1.2022
43	13/07/2023 16:26:37	13/07/2023	8777	55,277.00	0.00	1,154,609,215.00	110	1262204 6	217	REM THANH TOAN PHI BAO TRI THANG MAY DOT 2 NAM 2023 THEO HD SO 0040172659 KY NGAY 3.1.2022

44	13/07/2023 16:28:22	13/07/2023	8777	125,631,000.00	0.00	1,028,978,215.00	113	12622046	217	REM THANH TOAN PHI BAO TRI THANG MAY DOT 2 NAM 2023 THEO HD SO 0040172662 KY NGAY 3.1.2022
45	13/07/2023 16:28:22	13/07/2023	8777	55,277.00	0.00	1,028,922,938.00	113	12622046	217	REM THANH TOAN PHI BAO TRI THANG MAY DOT 2 NAM 2023 THEO HD SO 0040172662 KY NGAY 3.1.2022
46	13/07/2023 16:29:31	13/07/2023	8777	125,631,000.00	0.00	903,291,938.00	116	12622046	217	REM THANH TOAN PHI BAO TRI THANG MAY DOT 2 NAM 2023 THEO HD SO 0040172663 KY NGAY 3.1.2022
47	13/07/2023 16:29:31	13/07/2023	8777	55,277.00	0.00	903,236,661.00	116	12622046	217	REM THANH TOAN PHI BAO TRI THANG MAY DOT 2 NAM 2023 THEO HD SO 0040172663 KY NGAY 3.1.2022
48	25/07/2023 23:59:59	25/07/2023	160	0.00	204,592.00	903,441,253.00	1476	DD4400	217	BIDV Tra lai KKH
49	03/08/2023 23:59:59	03/08/2023	155	0.00	10,956,164.00	914,397,417.00	7		217	0000012610001508521T
50	25/08/2023 23:59:59	25/08/2023	160	0.00	154,842.00	914,552,259.00	500	DD4400	217	BIDV Tra lai KKH
51	03/09/2023 06:11:37	03/09/2023	ITID	0.00	10,446,575.00	924,998,834.00	1		0	TFR-801261508521
52	13/09/2023 15:17:53	13/09/2023	DW	2,376,000.00	0.00	922,622,834.00	2	153438	217	REF217A2390LAE6804G B/O 2170066688 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G F/O 111002686094 CONG TY TNHH THIET BI BEP THIEN PHU NHH01201001 TT TIEN MUA QUAT HUT MUI THEO BAO CAO SO 2507/2023/TTBQLTN
53	13/09/2023 15:17:53	13/09/2023	DDM	22,000.00	0.00	922,600,834.00	3	153438	217	REF217A2390LAE6804G B/O 2170066688 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G F/O 111002686094 CONG TY TNHH THIET BI BEP THIEN PHU NHH01201001 TT TIEN MUA QUAT HUT MUI THEO BAO CAO SO 2507/2023/TTBQLTN
54	18/09/2023 14:01:12	18/09/2023	DW	13,892,213.00	0.00	908,708,621.00	4	149120	217	REF217A2390UF23LY6D B/O 2170066688 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G F/O 9668222666 CTY TNHH SHINTECH CORPORATION NHH79307001 BQTNCC SAPPHIRE KDT GOLDMARKCITY TT TIEN MUA VAT TU THAY THE THEO HDKT SO 1508/HDKT2023 NGAY 15.8.2023
55	18/09/2023 14:01:12	18/09/2023	DDM	22,000.00	0.00	908,686,621.00	5	149120	217	REF217A2390UF23LY6D B/O 2170066688 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G F/O 9668222666 CTY TNHH SHINTECH CORPORATION NHH79307001 BQTNCC SAPPHIRE KDT GOLDMARKCITY TT TIEN MUA VAT TU THAY THE THEO HDKT SO 1508/HDKT2023 NGAY 15.8.2023
56	18/09/2023 14:02:05	18/09/2023	DW	11,583,000.00	0.00	897,103,621.00	6	149120	217	REF217A2390UEZ41WEF B/O 2170066688 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G F/O 100011217286 CONG TY CO PHAN TONG HOP HTC HA NOI NHH01352002 BQT NCC SAPPHIRE KDT GOLDMARK CITY TT TIEN MUA VOI NUOC CHAU RUA PHONG WC TANG1 TOA S1,S2,S4 VA TOA D THEO HD330 NGAY 12.9.2023
57	18/09/2023 14:02:05	18/09/2023	DDM	22,000.00	0.00	897,081,621.00	7	149120	217	REF217A2390UEZ41WEF B/O 2170066688 BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G F/O 100011217286 CONG TY CO PHAN TONG HOP HTC HA NOI NHH01352002 BQT NCC SAPPHIRE KDT GOLDMARK CITY TT TIEN MUA VOI NUOC CHAU RUA PHONG WC TANG1 TOA S1,S2,S4 VA TOA D THEO HD330 NGAY 12.9.2023
58	18/09/2023 14:03:30	18/09/2023	ZDWT	9,700,900.00	0.00	887,380,721.00	8	158719	217	2170066688-BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G-2605686668-CTY TNHH KIN LONG VIET NAM-0109299765 BQT TOA NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT GOLDMARK CITY

59	18/09/2023 14:03:30	18/09/2023	DDM	11,000.00	0.00	887,369,721.00	9	158719	217	2170066688-BAN QUAN TRI NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT G-2605686668-CTY TNHH KIN LONG VIET NAM- 0109299765 BQT TOA NHA CHUNG CU SAPPHIRE KDT GOLDMARK CITY
60	25/09/2023 00:32:52	25/09/2023	IIPD	0.00	150,088.00	887,519,809.00	10		0	Thanh toán lại tháng 09/2023
61	26/09/2023 10:22:01	26/09/2023	DDM	330,000.00	0.00	887,189,809.00	11	A27_CHG COL37	217	PHI QUAN LY TAI KHOAN 217xxx688 Q3 2023
62	26/09/2023 11:32:49	26/09/2023	DDM	385,000.00	0.00	886,804,809.00	12	A27_CHG COL39	217	PHI BSMS T08.2023. MA KH14259016.
<b>Cộng phát sinh</b> (Total Amount)				<b>11,289,252,663.00</b>	<b>10,713,035,853.00</b>					
<b>Số dư cuối kỳ</b> (Closing balance)						<b>886,804,809.00</b>				

Người tạo: 159649

Ký bởi: Ngân hàng Thương mại Cổ phần  
Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh  
Ba Đình  
Thời gian ký: 04/10/2023 10:48:16